TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2017/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 9 - 2017
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tài sản chung, nợ chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIA, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Xuân Tĩnh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Đặng Văn Đoán
Ông Triệu Tiến Lả

- Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hợi - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Bình Gia tham gia phiên toà:* Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung, đòi tiền vay nợ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Triệu Thị C - Sinh năm: 1990. Trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bế Văn H - Sinh năm: 1984. Trú tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Ông Bế Văn T, sinh năm 1956 và bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1957 (Bố, mẹ anh Bế Văn H). Đều trú tại thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T1 là ông Bế Văn T, văn bản ủy quyền ngày 17/8/2017. Ông Bế Văn T có mặt.

Ông Triệu Văn C, sinh năm 1961 (Bố chị Triệu Thị C). Trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 28/6/2017, bản tự khai ngày 28/7/2017, tại phiên hòa giải ngày 18/8/2017 và tại phiên tòa chị Triệu Thị C trình bày: Trước khi cưới được tìm hiểu không bị ép buộc, có tổ chức cưới, hỏi theo phong tục và đăng ký

kết hôn ngày 14 tháng 02 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Trước khi kết hôn hai vợ chồng đang học chuyên nghiệp tại Hà Nội, sau khi kết hôn tiếp tục học. Trong quá trình chung sống, đi học anh Bế Văn H không chăm chỉ học hành, ham chơi, đi đánh bi a, không có tiền còn mang xe mô tô đi cầm đồ. Năm 2013 vợ chồng tốt nghiệp và về nhà, đến tháng 8 năm 2013 chị Triệu Thị C sinh con, khi con được 50 ngày chị đã phải đi dạy học hợp đồng, còn anh Bế Văn H ở nhà chăm sóc con được một thời gian, sau đó đi Trung Quốc làm thuê nhưng không đưa tiền để nuôi con, sau khi hết hợp đồng dạy học, chị Triệu Thị C xin đi học nâng cao lên Đại học ở Thái Nguyên, anh Bế Văn H không đi chăm sóc con mà còn chửi, mắng chị. Thời gian học tại Hà Nội chị phải nhờ bố đẻ vay tiền ngân hàng, đến hạn trả thì bố mẹ chị phải trả nợ Ngân hàng. Quá trình sống chung anh Bế Văn H hay ghen tuông vô cớ, đánh chị phải đi bệnh viện, dù được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên nhủ và hai vợ chồng đã viết giấy cam kết sống hòa thuận với nhau, nhưng anh Bế Văn H không giữ đúng cam kết, vẫn ham chơi, mắng chửi chị, hạn chế việc giao tiếp với ai, kể cả bố mẹ đẻ chị cũng không cho gọi điện thoại. Chính vì cách cư xử của anh Bế Văn H và gia đình nhà chồng, nên chị đã phải bỏ về nhà bố mẹ đẻ và sống ly thân từ ngày 06/10/2016 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có sống với nhau cũng không hạnh phúc, nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung, có một con chung là cháu Bế Thanh T sinh ngày 01/8/2013, hiện con đang ở với bố, mẹ anh Bế Văn H, nếu ly hôn chị Triệu Thị C yêu cầu được nuôi con, vì hiện chị làm công nhân tại công ty SAMSUNG ở tỉnh Bắc Ninh có thu nhập gần 4 triệu đồng một tháng, chị yêu cầu anh Bế Văn H phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 600.000đồng.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có. Về tài sản riêng chị Triệu Thị C yêu cầu ông Bế Văn T và bà Hoàng Thị T1 phải trả lại chị chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12B1-044.10 trị giá khi mua là 10.500.000đồng. Về tiền mua xe này thì có đổi các chiếc xe máy cũ của chị là 1.500.000đồng và anh Bế Văn H có trả được 2.000.000đồng, số tiền còn lại 7.000.000đồng chị trả và được cửa hàng mua bán xe Trịnh Văn H tại Ngã T, xã T, huyện B làm đăng ký xe mang tên chị Triệu Thị C.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai cùng ngày 27/7/2017, lời khai tại phiên hòa giải ngày 18/8/2017, lời khai tại phiên tòa anh Bế Văn H trình bày: Về thời gian tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, thời gian đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q đúng như chị Triệu Thị C đã trình bày. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn chị Triệu Thị C trình bày không đúng, sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc và cùng theo học chuyên nghiệp tại Hà Nội. Đến tháng 4 năm 2013 học xong hai vợ chồng về quê sinh sống, tháng 8 năm 2013 thì sinh con, khi chị Triệu Thị C đi dạy học hợp đồng, anh ở nhà chăm sóc con, tạo điều kiện cho vợ đi dạy học, sau khi kết thúc hợp đồng, chị Triệu Thị C đi học tại Thái Nguyên anh cũng đồng ý và tạo điều kiện cho đi học. Tuy nhiên trong cuộc sống vợ chồng chị Triệu Thị C không giữ đúng cam kết là vợ chồng bảo nhau cùng làm ăn, không bỏ nhà đi, nhưng từ tháng 10 năm 2016 chị Triệu Thị Chiến tự bỏ trốn khỏi nhà, đi đâu không rõ lý do. Nay chị Triệu Thị C bỏ con lại cho anh và đi làm tại công ty, rồi tự viết đơn đòi ly

hôn, anh không nhất trí mà mong muốn được đoàn tụ. Nhưng tại phiên tòa chị Triệu Thị C vẫn nhất quyết đòi ly hôn, anh Bế Văn H cũng không cản trở nữa mà đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Triệu Thị C.

Về con chung, có một con chung như chị Triệu Thị C đã trình bày, hiện con đang học mẫu giáo lớp 4 tuổi và ở cùng anh và ông bà nội, do chị Triệu Thị C còn đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh nên không thuận lợi cho việc học tập của con chung, nên anh Bế Văn H yêu cầu được nuôi con chung và buộc chị Triệu Thị C phải cấp dưỡng nuôi con 600.000đồng/ tháng.

Về tài sản chung, vay nợ chung, không có. Còn việc chị Triệu Thị C vay nợ tiền của bố mẹ anh là 67.500.000đồng, thì chị Triệu Thị C phải trả, anh không được chi tiêu tiền này mà do chị Triệu Thị C vay riêng và tự chi tiêu; đối với chiếc mô tô biển kiểm soát: 12B1-044.10 trị giá là 10.500.000đồng thì anh lấy của bố đẻ trả trước 5 triệu đồng, số tiền còn lại anh đi làm thuê tại Trung Quốc về trả, nên là xe của riêng anh Bế Văn H, anh không đồng ý trả lại xe.

Đối với ông Bế Văn T và bà Hoàng Thị T1 trình bày: Không có yêu cầu độc lập về việc đòi lại tiền, nhưng nếu anh Bế Văn H và chị Triệu Thị C ly hôn, thì ông yêu cầu chị Triệu Thị C phải trả số tiền 67.500.000đồng, gồm tiền trong năm 2011, 2012, hàng tháng ông chuyển qua tài khoản cho chị Triệu Thị C khi đang học tại Hà Nội là 27.500.000đồng; năm 2014 chị Triệu Thị C đi học đại học tại chức ở Thái Nguyên, học 1 tuần 2 ngày Thứ bẩy, Chủ nhật mỗi lần đi học ông đưa 500.000đồng, một tháng là 2.000.000đồng học trong 9 tháng nên tổng số tiền là 18.000.000đồng; và số tiền 10.000.000đồng chị Triệu Thị C vay để đi xin việc, nhưng không xin được và năm 2015 ông đưa cho chị Triệu Thị C 12.000.000đồng để bố chị C là ông Triệu Văn C trả tiền vay tại ngân hành chính sách xã hội huyện Bình Gia.

Chị Triệu Thị C thừa nhận về số tiền 27.500.000đồng ông Bế Văn T chuyển vào tài khoản cho chị là đúng, nhưng chị không vay mượn mà ông Bế Văn T tự chuyển vào tài khoản để cả 2 vợ chồng cùng sử dụng khi học tại Hà Nội, nên chị Triệu Thị C không đồng ý trả lại tiền này cho ông Bế Văn T. Về số tiền 10.000.000đồng và 18.000.000đồng ông Bế Văn T nói đưa cho chị xin việc và đi học Đại học ở Thái Nguyên là không có, chị không chấp nhận yêu cầu này của ông Bế Văn T.

Ý kiến của ông Triệu Văn C trình bày: Ông không được nhận 12.000.000đồng như ông Bế Văn T đưa ra, đúng là tháng 10/2010 ông có vay tiền tại ngân hàng cho chị Triệu Thị C đi học (món vay sinh viên), nhưng là vay 17.200.000đồng và đến hạn tháng 10/2015 ông Triệu Văn C đã trả đủ số tiền vay này, nên không chấp nhận yêu cầu đòi tiền của ông Bế Văn T.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên trình bày và các yêu cầu như trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo luật định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Về nội dung đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Triệu Thị C với anh Bế văn H; về xe mô tô và tiền ông Bế Văn T đòi đề nghị căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị C và anh Bế Văn H có thời gian chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn ngày 14/02/2011 đúng luật định, nên quan hệ vợ chồng được pháp luật thừa nhận.

[2] Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu chứng cứ, thấy cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn từ khi sinh con chung là có thật, căn cứ bản cam kết đề ngày 31/01/2016 thể hiện vợ chồng thường bất đồng về quan điểm, hay cãi mắng nhau, do không hòa thuận cùng nhau xây dựng cuộc sống vợ chồng nên đã viết cam kết với hai bên gia đình là phải hòa thuận và cùng nhau làm ăn, nuôi con. Nhưng thời gian tiếp theo tình cảm vợ chồng không được cải thiện, từ tháng 10/2016 chị Triệu Thị C phải về bên nhà bố, mẹ đẻ ở và sống ly thân cho đến nay. Tại phiên tòa chị Triệu Thị C yêu cầu ly hôn và được anh Bế Văn H đồng ý, xét thấy việc thuận tình ly hôn là tự nguyện, nên áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận thuận tình ly hôn giữa hai bên đương sự.

[3] Về con chung: Xác định hai vợ chồng hiện chỉ có một con chung là cháu Bế Thanh T sinh ngày 01/8/2013, cả hai bên đều yêu cầu được nuôi con và yêu cầu phải cấp dưỡng nuôi con 600.000đồng/tháng. Thấy từ khi hai bên sống ly thân (tháng 10/2016) thì con chung ở cùng anh Bế Văn H và ông bà nội, hiện con chung đang học mẫu giáo, ở ổn định; còn chị Triệu Thị C hiện đang làm công nhân tại công ty SAMSUNG ở tỉnh Bắc Ninh, nên giao con chung cho anh Bế Văn H nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp hơn. Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao con chung cho anh Bế Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng và chị Triệu Thị C hiện làm công nhận có thu nhập gần 4 triệu đồng một tháng, nên chị phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 600.000đồng và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị Triệu Thị C và anh Bế Văn H cho rằng không có là không đúng, cụ thể: Về chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12B1-044.10 ai cũng nhận đã bỏ tiền ra mua và cho rằng là tài sản riêng và đòi quyền sử dụng, nhưng không có chứng cứ chứng minh. Tuy nhiên tại phiên tòa hai bên tự thỏa thuận trị giá xe mô tô còn lại là 4 triệu đồng và đồng ý giao cho anh Bế Văn H được quyền quản lý, sử dụng và anh phải trả cho chị Triệu Thị C là 2 triệu đồng (trị giá ½ trị giá chiếc xe), nên cần công nhận sử thỏa thuận này và xác nhận hiện chiếc xe này anh Bế Văn H đang giữ.

[5] Về yêu cầu của ông Bế Văn T đòi lại số tiền 27.500.000đồng, thì đều có hóa đơn chuyển tiền của ông Bế Văn T, người nhận là chị Triệu Thị C và được chị Triệu Thị C xác nhận là đúng, nhưng chị lại không thừa nhận là vay mượn mà do ông Bế Văn T tự chuyển cho anh Bế Văn H sử dụng, còn anh Bế Văn H cho rằng không biết, không được sử dụng, nhưng hai bên đương sự không đưa được chứng cứ chứng minh. Đối với ông Bế Văn T nói chuyển tiền cho riêng chị Triệu Thị C nên yêu cầu chị phải tự trả cũng không có căn cứ. Hội đồng xét xử xác định số tiền trên ông Bế Văn T chuyển cho chị Triệu Thị C là thời gian hai vợ chồng cùng sống chung, thuê nhà, ăn ở cùng nhau, do vậy cùng được sử dụng chung, phải có nghĩa

vụ chung như nhau, nên cần buộc hai vợ chồng mỗi người phải trả một nửa số tiền này cho ông Bế Văn T là có căn cứ, cụ thể mỗi người phải trả là 13.750.000đồng .

[6] Đối với khoản tiền 10.000.000đồng để chị Triệu Thị C đi xin việc; 18.000.000đồng chị Triệu Thị C đi học Đại học ở Thái Nguyên, do không có căn cứ chứng minh việc giao nhận tiền, nên không có căn cứ chấp nhận các khoản tiền này.

[7] Về số tiền 12.000.000đồng để bố chị Triệu Thị C trả ngân hàng cũng không có căn cứ chứng minh có việc nhận tiền hay vay tiền giữa các bên, hơn nữa theo hồ sơ vay vốn thì ông Triệu Văn C là người vay, và trực tiếp trả tiền, nên không chấp nhận yêu cầu này của ông Bế Văn T. Do ông Triệu Văn C không yêu cầu đòi lại số tiền vay ngân hàng để cho chị Triệu Thị C đi học, nên không xem xét.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tiền án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Bế Văn T (13.750.000đ x 5%) là 687.000đồng, tổng cộng là 1.287.000đồng, sung công quỹ Nhà nước.

Anh Bế Văn H phải chịu tiền án phí có giá ngạch với số tiền phải trả cho ông Bế Văn T (13.750.000đ x 5%) là 687.000đồng, sung công quỹ Nhà nước.

[9] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp có căn cứ pháp luật, nên cần xem xét áp dụng quyết định trong việc giải quyết vụ án.

[10] Các đương sự đều có ý kiến tranh luận và giữ quan điểm, chứng cứ của mình về việc vay, mượn tiền như những nhận định đánh giá nêu trên, do không tự thỏa thuận được các đương sự đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết việc vay, mượn tiền theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, 55 và Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 và điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Triệu Thị C với anh Bế Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bế Thanh T sinh ngày 01/8/2013 cho anh Bế Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; chị Triệu Thị C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 600.000đồng đến khi đủ 18 tuổi, phương thức trả theo tháng, tính từ tháng 10/2017, chị Triệu Thị C có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Triệu Thị C với anh Bế Văn H về tự phân chia chiếc xe mô tô, cụ thể: Anh Bế Văn H được quyền sở hữu, sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát: 12B1-044.10 và phải thanh toán cho chị Triệu Thị C số tiền là 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), xe mô tô hiện anh Bế Văn H đang quản lý.

Khi có đơn yêu cầu trả tiền của bên được trả tiền (về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, về thanh toán tiền xe mô tô), nếu bên phải trả tiền chưa trả thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

4. Về vay nợ chung: Buộc chị Triệu Thị C và anh Bế Văn H mỗi người phải trả cho ông Bế Văn T số tiền 13.750.000đồng (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Khi có đơn yêu cầu về số tiền phải trả, nếu chị Triệu Thị C, anh Bế Văn H chưa trả thì còn phải trả tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị C phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn và 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, tiền án phí dân sự có giá ngạch là 687.000đồng, tổng cộng là 1.287.000đồng (Một triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn đồng).

Xác nhận chị Triệu Thị C đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số AA/2012/ 02371 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn. Chị Triệu Thị C phải nộp số tiền còn thiếu là 987.000đồng (Chín trăm tám mươi bảy nghìn đồng), sung công quỹ Nhà nước.

Anh Bế Văn H phải chịu tiền án phí dân sự có giá ngạch là 687.000đồng (Sáu trăm tám mươi bảy nghìn đồng), sung công quỹ Nhà nước.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bà Hoàng Thị T1 vắng mặt được được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- VKS ND huyện Bình Gia;
- CC.THADS huyện Bình Gia;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký và đóng dấu)

Dương Xuân Tĩnh